

Số: 547/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 08 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 541/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị N, sinh năm 1994; nơi đăng ký HKTT: Số 04 kiệt 185 đường Nguyễn Lộ T, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H; chỗ ở hiện nay: Thôn Lại T, xã P, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên H;

- Bị đơn: Anh Ngô Văn H, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 04 kiệt 185 đường Nguyễn Lộ T, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị N và anh Ngô Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị N và anh Ngô Văn H.

2.2. Về con chung: Chị Ngô Thị N, anh Ngô Văn H xác nhận có 02 con chung tên là Ngô Văn Minh Q, sinh ngày 24/5/2014 và Ngô Văn Quốc B sinh ngày

06/7/2016. Hiện nay các cháu đang ở với anh Ngô Văn H. Nay ly hôn chị Ngô Thị N và anh Ngô Văn H thỏa thuận như sau: Giao cháu Ngô Văn Minh Q cho anh Ngô Văn H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ngô Văn Minh Q trưởng thành, đủ 18 tuổi; giao cháu Ngô Văn Quốc B cho chị Ngô Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ngô Văn Quốc B trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ngô Thị N, anh Ngô Văn H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Ngô Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Ngô Thị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000698 ngày 13 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Hoàn trả lại cho chị Ngô Thị N số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-H;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS TP. Huế;
- UBND phường X, thành phố H (Anh Ngô Văn H và chị Ngô Thị N ĐKKH số 23/2015 quyền số 01/2015, ngày 10/3/2015);
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Huỳnh Trọng C